

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC
THÀNH THÀNH CÔNG
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 06 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Vân



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Huỳnh Úc My	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Thông	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17.7.2017)
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 2.8.2017)
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25.12.2017)
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25.12.2017)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17.7.2017)
Bà Châu Kim Yến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 2.8.2017)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)
Bà Phạm Vũ Thanh Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018)
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1.2.2018)
Bà Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018)
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16.10.2017)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26.11.2017)
Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3.3.2018)

Người đại diện theo pháp luật Bà Đặng Huỳnh Úc My Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	
			31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.518.521.940	65.143.907.872
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	17.903.710.104	6.717.908.360
111	Tiền		17.903.710.104	6.717.908.360
112	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		45.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		45.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		165.092.935.527	44.840.071.900
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.875.125.975	2.129.379.629
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.009.337.871	13.987.926.565
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	103.383.171.144	17.883.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	45.260.426.500	16.274.720.525
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(5.435.125.963)	(5.435.125.963)
140	Hàng tồn kho	10	3.058.719.234	3.427.084.442
141	Hàng tồn kho		3.058.719.234	3.427.084.442
150	Tài sản ngắn hạn khác		18.418.157.075	10.158.843.170
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	15.441.827.593	7.046.320.166
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.366.914.313	2.636.901.580
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		609.415.169	475.621.424

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		683.679.382.806	613.850.424.862
210	Phải thu dài hạn		5.393.073.744	3.138.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	5.393.073.744	3.138.000.000
220	Tài sản cố định		403.865.049.084	397.741.110.149
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	277.923.963.892	274.744.354.775
222	Nguyên giá		451.649.559.606	430.204.283.522
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(173.725.595.714)	(155.459.928.747)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	125.941.085.192	122.996.755.374
228	Nguyên giá		149.248.742.649	144.554.151.649
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.307.657.457)	(21.557.396.275)
230	Bất động sản đầu tư	13	22.596.337.870	20.034.020.274
231	Nguyên giá		29.388.664.081	28.954.725.346
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.792.326.211)	(8.920.705.072)
240	Tài sản dở dang dài hạn		163.136.918.284	138.341.497.745
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	163.136.918.284	138.341.497.745
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết	3	-	-
260	Tài sản dài hạn khác		88.688.003.824	54.595.796.694
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	32.913.380.938	20.929.598.933
269	Lợi thế thương mại	15	55.774.622.886	33.666.197.761
270	TỔNG TÀI SẢN		888.197.904.746	678.994.332.734

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		492.200.382.476	280.700.639.468
310	Nợ ngắn hạn		98.819.559.011	119.422.249.468
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	9.288.576.198	27.100.625.280
312	Người mua trả tiền trước		12.209.148.955	3.091.431.608
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.045.568.490	3.369.523.543
314	Phải trả người lao động		1.509.914.714	7.247.248.133
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	28.763.485.013	12.715.694.844
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.612.143.072	419.535.071
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	17.666.423.300	13.889.940.989
320	Vay ngắn hạn	20(a)	21.229.250.000	51.588.250.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	495.049.269	-
330	Nợ dài hạn		393.380.823.465	161.278.390.000
337	Phải trả dài hạn khác			-
338	Vay dài hạn	20(b)	393.380.823.465	161.278.390.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		395.997.522.270	398.293.693.266
410	Vốn chủ sở hữu		395.997.522.270	398.293.693.266
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	22	350.000.000.000	350.000.000.000
414	Quỹ đầu tư phát triển	23	58.194.418	28.645.813
421	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	4.991.141.837	(10.506.681.314)
421a	- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(16.736.902.463)	
421b	- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối năm nay		21.728.044.300	(10.506.681.314)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	40.948.186.015	58.771.728.767
440	TỔNG NGUỒN VỐN		888.197.904.746	678.994.332.734

Phạm Thị Huyền Trang
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng

Đường Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
		31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	354.559.100.963	348.767.412.959
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.788.387.314)	(2.322.512.933)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26 350.770.713.649	346.444.900.026
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27 (218.642.085.063)	(223.733.760.524)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.128.628.586	122.711.139.502
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.583.048.699	1.414.630.100
22	Chi phí tài chính	28 (26.012.227.348)	(19.247.777.390)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	28 (24.936.436.321)	(19.207.581.857)
26	Chi phí bán hàng	29a (488.568.459)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29b (73.979.591.575)	(87.125.188.383)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.231.289.903	17.752.803.829
31	Thu nhập khác	1.021.233.378	803.770.839
32	Chi phí khác	(1.714.055.619)	(1.586.511.424)
40	Lợi nhuận khác	(692.822.241)	(782.740.585)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.538.467.662	16.970.063.244
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30(a) (7.399.063.743)	(5.560.265.664)
52	Thuế TNDN hoãn lại	30(b)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	30.139.403.920	11.409.797.580
61	LNST của công ty mẹ	23 28.405.369.951	8.112.112.328
62	LNST của cổ đông không kiểm soát	23 1.734.033.969	3.297.685.252
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25 772	103
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25 772	103

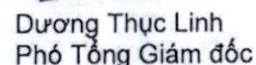


Phạm Thị Huyền Trang
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng




Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
		31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	37.538.467.662	16.970.063.244
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	23.656.039.943	28.553.253.852
03	Các khoản dự phòng	-	4.115.288.881
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(6.480.525.812)	(1.700.754.739)
06	Chi phí lãi vay	25.993.604.798	19.207.581.857
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	80.707.586.591	67.145.433.095
09	Tăng các khoản phải thu	(30.305.742.027)	(11.540.457.511)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	368.365.208	1.558.399.668
11	Tăng các khoản phải trả	14.365.577.561	13.879.174.402
12	Tăng chi phí trả trước	(20.379.289.432)	(6.596.673.902)
14	Tiền lãi vay đã trả	(18.994.494.771)	(19.468.971.046)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(5.160.858.640)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(66.401.836)	(4.889.614.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.828.404.966	34.926.431.905
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(53.505.618.444)	(110.655.136.033)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	396.384.952	838.963.204
23	Chi cho vay	(329.045.000.000)	(15.500.000.000)
24	Thu hồi cho vay	243.500.000.000	16.616.828.856
25	Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	(77.748.330.974)	(12.641.252.634)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Thu lãi cho vay và cổ tức	16.527.778	112.857.766
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(216.386.036.688)	(121.227.738.841)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	-	100.000.000.000
33	Thu từ đi vay	247.414.665.889	113.539.140.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(45.671.232.424)	(103.547.500.000)
36	Chi trả cổ tức	-	(19.727.913.911)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	201.743.433.465	90.263.726.089
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	11.185.801.743	3.962.419.153
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 6.717.908.360	2.755.489.207
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 17.903.710.103	6.717.908.360

Handwritten signature

Phạm Thị Huyền Trang
Người lập

Handwritten signature

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Handwritten signature
Đương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2018**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực giày da, dệt may và kinh tế; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản và dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn có 1.797 nhân viên (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.331 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty có 21 công ty con (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12 công ty con và 1 công ty liên kết) như sau:

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a vertical stamp with the number 1101 and some illegible text.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

STT	Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
				31.3.2018 %	30.6.2017 %
Công ty con					
1	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Giáo dục	TP. HCM	100	100
2	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
3	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bình Dương	Giáo dục	Bình Dương	100	100
4	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
5	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
6	Trường THCS - THPT Tân Phú	Giáo dục	TP. HCM	100	75
7	Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Giáo dục	TP. HCM	100	100
8	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Tư vấn thiết kế và xây dựng	Đồng Nai	89,83	89,83
9	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Đào tạo	Đồng Nai	60	60
10	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (*)	Đào tạo	Đà Lạt	87,78	-
11	Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công (**)	Đào tạo	Đồng Nai	100	-
12	Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC (***)	Đào tạo	TP. HCM	100	-
13	Trung Tâm Ngoại Ngữ- Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	Đào tạo	Đồng Nai	100	-
14	Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	Đào tạo	Đồng Nai	100	-
15	Trường Mầm non ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100	-
16	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bến Tre	Giáo dục	Bến Tre	100	-
17	Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	Giáo dục	Đồng Nai	100	-
18	Trường Mầm non Quốc tế ABI Sài Gòn	Giáo dục	TP.HCM	100	-
19	Trường Mầm non Quốc tế ABI Sài Gòn 2	Giáo dục	TP.HCM	100	-
20	Công ty TNHH MTV Phát triển Giáo Dục 590	Giáo dục	TP.HCM	100	-
21	Công ty TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công Tây Ninh	Giáo dục	Tây Ninh	100	-
Công ty liên kết					
1	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (*)	Đào tạo	Đà Lạt	-	50,41

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- (*) Căn cứ vào thỏa thuận của các cổ đông, tại ngày 1 tháng 10 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và chính thức nắm quyền kiểm soát đối với Trường Đại học Yersin Đà Lạt tương ứng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50,41%. Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt và tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 87,78%.
- (**) Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603427647 ngày 9 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 566.000.000 đồng.
- (***) Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314290652 ngày 15 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Trước đây, năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn thay đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6. Do đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất theo Thuyết minh 2.4.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 - 35 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	7 - 13 năm
Bảng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 42 năm đến 58 năm phù hợp với thời gian quy định trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhà cửa

5 - 35 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.23 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên các báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt ("Yersin"), công ty con mới.

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục pháp lý để nắm quyền kiểm soát Trường Đại học Yersin Đà Lạt ("Yersin") và theo đó Yersin được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn.

Việc hợp nhất kinh doanh này ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.481.641.366
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.674.202.391
Tài sản ngắn hạn khác	97.297.000
Tài sản cố định	39.392.839.044
Tài sản dài hạn khác	1.778.953.496
	<hr/>
Nợ phải trả	45.424.933.297
Nợ ngắn hạn khác	(336.724.546)
	<hr/>
Tài sản thuần (*)	45.088.208.751
	<hr/>
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 15)	20.629.169.484
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 23)	(22.358.228.235)
	<hr/>
Giá phí hợp nhất kinh doanh	43.359.150.000
	<hr/>

(*) Tại ngày mua, Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị hợp lý tài sản thuần của Yersin không có khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý
ghi nhận tại ngày mua
VND

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con

Giá phí hợp nhất kinh doanh	(43.359.150.000)
Kết chuyển từ số dư đầu năm của khoản đầu tư vào công ty liên kết	32.297.550.000
Tiền chi để mua công ty con	(11.061.600.000)
Tiền thu về từ công ty con	2.481.641.366
 Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	 (8.579.958.634)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Tiền mặt	1.286.780.533	475.799.513
Tiền gửi ngân hàng	16.616.689.571	6.242.108.847
Các khoản tương đương tiền (*)	240.000	-
	<u>17.903.710.104</u>	<u>6.717.908.360</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba	4.875.125.975	2.008.269.129
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	-	121.110.500
	<u>4.875.125.975</u>	<u>2.129.379.629</u>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 966.204.000 đồng và 1.363.809.001 đồng như được trình bày tại Thuyết minh 9.

11011

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Giao Thông Vận Tải	-	3.000.000.000
Bên thứ ba khác	16.113.640.175	10.428.873.750
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	895.697.696	559.052.815
	<u>17.009.337.871</u>	<u>13.987.926.565</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên liên quan vay tín chấp (Thuyết minh 32(b)) và hưởng lãi suất từ 0,3% đến 11%/năm.

Biến động các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	17.883.171.144	19.000.000.000
Tiền chi cho vay	329.000.000.000	15.500.000.000
Tiền thu hồi cho vay	(243.500.000.000)	(16.616.828.856)
Số dư cuối năm	<u>103.383.171.144</u>	<u>17.883.171.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU KHÁC

	31.03.2018		30.06.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 32(b))	11.049.028.382	-	4.007.354.002	-
Tạm ứng cho nhân viên	17.177.531.492	644.101.369	4.244.843.173	644.101.369
Khác	17.033.866.627	4.099.437.594	8.022.523.350	4.099.437.594
	<u>45.260.426.500</u>	<u>4.743.538.963</u>	<u>16.274.720.525</u>	<u>4.743.538.963</u>
(b) Dài hạn				
Đặt cọc	1.810.573.744	-	2.837.800.000	-
Khác	3.582.500.000	-	300.200.000	-
	<u>5.393.073.744</u>	<u>-</u>	<u>3.138.000.000</u>	<u>-</u>

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

	31.03.2018			Số ngày quá hạn Ngày
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu học phí	966.204.000	274.617.000	691.587.000	Từ 180 đến 360
Tạm ứng nhân viên	644.101.369	-	644.101.369	Trên 360
Khác	4.099.437.594	-	4.099.437.594	Trên 360
	<u>5.709.742.963</u>	<u>274.617.000</u>	<u>5.435.125.963</u>	
	30.06.2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn Ngày
Phải thu học phí	966.204.000	274.617.000	691.587.000	Từ 180 đến 360
Tạm ứng nhân viên	644.101.369	-	644.101.369	Trên 360
Khác	4.099.437.594	-	4.099.437.594	Trên 360
	<u>5.709.742.963</u>	<u>274.617.000</u>	<u>5.435.125.963</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

Biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	5.435.125.963	1.319.837.082
Tăng dự phòng	-	4.115.288.881
Số dư cuối năm	<u>5.435.125.963</u>	<u>5.435.125.963</u>

10 HÀNG TỒN KHO

	31.03.2018		30.06.2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu tồn kho	211.945.489	-	124.927.614	-
Chi phí SXKD dở dang	2.644.246.923	-	2.795.701.781	-
Hàng hóa	202.526.822	-	506.455.047	-
	<u>3.058.719.234</u>	<u>-</u>	<u>3.427.084.442</u>	<u>-</u>

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
(a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	15.440.695.393	7.046.320.166
Chi phí sửa chữa		
Chi phí khác	1.132.200	
	<u>15.441.827.593</u>	<u>7.046.320.166</u>
(b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	32.913.380.938	14.212.470.873
Chi phí sửa chữa	-	6.105.448.674
Chi phí khác	-	611.679.386
	<u>32.913.380.938</u>	<u>20.929.598.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 10.818.985.771 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.190.473.719 đồng).
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 96,5 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 118,9 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20)).

12(a) Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Thiết bị trường học	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	347.816.275.826	22.243.475.368	6.106.279.135	3.742.696.079	75.604.600	379.984.331.008
Tăng tài sản khác	60.283.757.402	6.687.680.520	961.329.033	552.792.592	-	68.485.559.547
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	7.413.578.164	-	882.900.000	1.093.858.250	-	9.390.336.414
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(112.930.400)	(60.500.000)	(871.573.600)	-	-	(1.045.004.000)
Giảm tài sản khác	(2.909.606.210)	(976.783.271)	-	(380.604.400)	-	(4.266.993.881)
222 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	412,491,074,782	27,893,872,617	7,078,934,568	5,008,742,521	75,604,600	452,548,229,088
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	136.546.001.581	15.733.777.098	4.108.203.323	1.875.549.967	75.604.600	158.339.136.569
Khấu hao trong năm	14.530.086.731	1.794.034.246	481.459.875	322.108.993	-	17.127.689.845
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(295.945.958)	(5.041.660)	(541.573.600)	-	-	(842.561.218)
223 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	150,780,142,354	17,522,769,684	4,048,089,598	2,197,658,960	75,604,600	174,624,265,196
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	211.270.274.245	6.509.698.270	1.998.075.812	1.867.146.112	-	221.645.194.439
221 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	261,710,932,428	10,371,102,933	3,030,844,970	2,811,083,561	-	277,923,963,892

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.333.903.433 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, TSCĐ vô hình của Tập đoàn với giá trị còn lại là 75,4 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 70 tỷ đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

12(b) Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	121.634.091.516	144.814.000	1.792.620.200	343.950.933	123.915.476.649
Mua trong năm	24.176.850.000	20.000.000	1.042.555.000	-	25.239.405.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(144.814.000)	-	-	(144.814.000)
Giảm tài sản khác	-	-	-	-	-
228 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	145.810.941.516	20.000.000	2.835.175.200	343.950.933	149.010.067.649
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	19.938.014.597	-	1.357.155.745	23.550.933	21.318.721.275
Khấu hao trong năm	1.520.010.758	-	92.523.822	137.726.602	1.750.261.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
229 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	21.458.025.355	-	1.449.679.567	161.277.535	23.068.982.457
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	101.696.076.919	144.814.000	435.464.455	320.400.000	102.596.755.374
227 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	124.352.916.161	20.000.000	1.385.495.633	182.673.398	125.941.085.192
12(b) Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	121,634,091,516	144,814,000	1,792,620,200	343,950,933	123,915,476,649
	Mua trong năm	24,176,850,000	20,000,000	1,042,555,000	-	25,239,405,000
	Thanh lý, nhượng bán	-	(144,814,000)	-	-	(144,814,000)
	Giảm tài sản khác	-	-	-	-	-
228	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	145,810,941,516	20,000,000	2,835,175,200	343,950,933	149,010,067,649
	Khấu hao lũy kế					
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	19,938,014,597	-	1,357,155,745	23,550,933	21,318,721,275
	Khấu hao trong năm	1,520,010,758	-	92,523,822	137,726,602	1,750,261,182
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
229	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	21,458,025,355	-	1,449,679,567	161,277,535	23,068,982,457
	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	101,696,076,919	144,814,000	435,464,455	320,400,000	102,596,755,374
227	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	124,352,916,161	20,000,000	1,385,495,633	182,673,398	125,941,085,192

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	28.954.725.346
Tăng trong năm	433.938.735
Chuyển từ tài sản cố định (Thuyết minh 12(a))	
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018	29.388.644.081
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	8.920.705.072
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12(a))	(2.261.043.298)
Khấu hao trong năm	132.664.437
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	6.792.326.211
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	20.034.020.274
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	22.596.337.870
	<hr/>

Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 451.953.447 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 0 đồng).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	138.341.497.745	102.151.785.610
Tăng trong năm	24.795.420.539	81.161.759.558
Tăng do hợp nhất kinh doanh		932.710.397
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 12(a))		(29.622.650.205)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 12(b))		(8.574.402.853)
Chuyển sang chi phí trả trước		(7.707.704.762)
Số dư cuối kỳ	163.136.918.284	138.341.497.745

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Dự án mở rộng Trường THPT Lê Quý Đôn Trung tâm Đào tạo Ngoại ngữ và Phục vụ Giáo dục (*)	32.090.852.686	35.867.702.686
Dự án mở rộng Trường TH – THCS Lê Quý Đôn Khu bán trú và nhà ăn tại Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án mở rộng Trường TH – THCS Lê Quý Đôn Khu bán trú và nhà ăn tại Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	28.056.593.994	24.867.829.299
Dự án xây mới Trường mầm non Bến Tre	19.339.450.000	19.339.450.000
Dự án tại Long Thành	48.547.191.442	21.422.093.417
Dự án Mầm Non Quốc Tế Elite	-	3.554.400.000
Khác	6.922.568.919	-
	1.030.809.149	6.140.570.249
	163.136.918.284	138.341.497.745

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ dự án để thế chấp cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	25.697.690.487
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	20.629.169.484
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	46.326.859.971
	<hr/>
Phân bổ lợi thế thương mại lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	12.660.662.210
Phân bổ trong năm	4.130.487.309
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.791.149.518
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	33.666.197.761
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	55.774.622.886
	<hr/> <hr/>

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba	5.777.328.010	3.127.163.035
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	3.511.248.188	23.973.462.245
	<hr/>	<hr/>
	9.288.576.198	27.100.625.280
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30.06.2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.340.993.005	127.518.543	-	-	1.468.511.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.256.450.602	3.364.579.817	-	-	3.621.030.419
Thuế GTGT	772.079.936	183.946.587	-	-	956.026.523
Thuế khác	-	-	-	-	-
	<u>3.369.523.543</u>	<u>2.676.044.947</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.045.568.490</u>

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Chi phí lương nhân viên	12.722.684.525	9.105.873.576
Chi phí lãi vay phải trả	7.862.110.027	832.653.384
Khác	8.178.690.461	2.777.167.884
	<u>28.763.485.013</u>	<u>12.715.694.844</u>

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 24)	6.750.916.129	9.399.562.212
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp thất nghiệp	1.517.606.578	1.031.082.713
Chi phí lãi vay phải trả	9.397.900.593	321.498.396
Phải trả khác	9.397.900.593	3.137.797.668
	<u>17.666.423.300</u>	<u>13.889.940.989</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	6.750.916.129	9.848.542.224
Bên thứ ba	10.915.507.171	4.041.398.765
	<u>17.666.423.300</u>	<u>13.889.940.989</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

20 CÁC KHOẢN VAY

Mẫu số B 09 – DN/HN

	Tại ngày 30.06.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
(a) Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (ii)	10.129.000.000	10.000.000.000	(10.129.000.000)	10.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b)) (iii)	14.400.000.000		(14.400.000.000)	-
Vay cá nhân (v)	1.300.000.000		(1.300.000.000)	-
	<u>25.829.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>(25.829.000.000)</u>	<u>10.000.000.000</u>
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	25.759.250.000	1.500.000.000	(16.030.000.000)	11.229.250.000
	<u>51.588.250.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>(41.859.000.000)</u>	<u>21.229.250.000</u>
(b) Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (ii)	164.787.640.000	8.314.665.889	(14.842.232.424)	158.260.073.465
Vay dài hạn từ tổ chức khác (i)	21.250.000.000		(5.000.000.000)	16.250.000.000
Phát hành trái phiếu (iv)	1.000.000.000	229.100.000.000		230.100.000.000
	<u>187.037.640.000</u>	<u>237.414.665.889</u>	<u>(19.842.232.424)</u>	<u>404.610.073.465</u>
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	(25.759.250.000)	(1.500.000.000)	16.030.000.000	(11.229.250.000)
	<u>161.278.390.000</u>	<u>235.914.665.889</u>	<u>(3.812.232.424)</u>	<u>393.380.823.465</u>
	<u>212.866.640.000</u>	<u>161.064.706.810</u>	<u>(39.062.891.766)</u>	<u>414.610.073.465</u>

(i) Chi tiết các khoản vay từ tổ chức khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 như sau:

Tổ chức	Số tiền VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	1.250.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	7,2	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	5.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 9 năm 2022	7,2	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	10.000.000.000		7,2	TSCĐ (Thuyết minh 12)
	<u>16.250.000.000</u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 như sau:

Ngân hàng	Số tiền VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam ("OCB")	79.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm, tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	25.412.250.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm, tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	10.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 12 năm 2017 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018	8,9%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	5.200.250.000	Từ năm 2016 đến năm 2025	10,3%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB")	15.500.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 3 tháng 2 năm 2026	9.3%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	12.031.378.331	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2016 đến ngày 12 tháng 7 năm 2026	9.3%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	14.948.500.000	Ngày 12 tháng 7 năm 2026	9.3%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	424.000.000	Ngày 20 tháng 2 năm 2020	7.5%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	5.743.695.134	Ngày 8 tháng 10 năm 2019	7.5%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
	<u>168.260.073.465</u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

- (iv) Trái phiếu được trả lãi 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng cộng biên độ lãi suất 3,5%/năm, trái phiếu có thời hạn 5 năm. 1.500.000 trái phiếu đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2022 được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của bà Đặng Huỳnh Ước My, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam. 801.000 trái phiếu đáo hạn tại ngày 29 tháng 12 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và đảm bảo bằng tài sản của ông Huỳnh Đăng Khoa.
- (v) Khoản vay từ một cá nhân chịu mức lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo và sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2018

21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số đầu năm	-	(599.865.943)
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 23)		5.141.112.224
Sử dụng trong năm	495.049.269	(4.163.938.091)
Giảm khác	-	(377.308.190)
Số cuối năm	495.049.269	-

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.03.2018		30.06.2017	
	Số cổ phiếu	Vốn góp VND	Số cổ phiếu	Vốn góp VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 250 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã góp là 350 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2018		30.06.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	27.922.500	79,78	25.421.667	72,63
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	5.000.000	14,29	5.000.000	14,29
Bà Đặng Huỳnh Ước My	1.977.500	5,65	2.350.833	6,72
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là "Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên")	-	-	1.977.500	5,65
Khác	100.000	0,29	250.000	0,71
	<u>35.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>35.000.000</u>	<u>100,00</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	250.000.000.000	28.645.813	1.828.608.425	45.983.526.273	297.840.780.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.649.464.676	3.478.112.419	32.127.577.095
Chia cổ tức trong năm	-	-	(18.545.091.251)	(1.811.607.017)	(20.356.698.268)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.168.395.108)	(133.620.850)	(5.302.015.958)
Giảm khác	-	-	-	(183.421.406)	(183.421.406)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>350.000.000.000</u>	<u>28.645.813</u>	<u>(10.506.681.314)</u>	<u>58.771.728.767</u>	<u>398.293.693.266</u>
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.207.955.507	-	14.207.955.507
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	-	-	-	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu (*)	-	-	-	(17.271.967.888)	(17.271.967.888)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	<u>350.000.000.000</u>	<u>28.645.813</u>	<u>3.701.274.193</u>	<u>41.499.760.879</u>	<u>395.229.680.885</u>

(*) Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt và lợi ích nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 87,78% và Công ty mua thêm cổ phần của Trường THCS THPT Tân Phú và lợi ích nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100%.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

24 CỐ TỨC PHẢI TRẢ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	9.399.662.212	20.430.192.008
Cố tức trích lập trong năm		8.697.284.115
Cố tức đã chi trả		(19.727.913.911)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 19)	<u>9.399.562.212</u>	<u>9.399.562.212</u>

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018	30.06.2017
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	28.405.369.951	8.112.112.328
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(1.375.000.000)	(5.086.026.561)
	<u>27.030.369.951</u>	<u>3.026.085.767</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	35.000.000	29.391.100
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>772</u>	<u>103</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 – 2018 của Tập đoàn do cổ đông quyết định trong Đại hội cổ đông thường niên.

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi nên lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng lãi suy giảm trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu từ hoạt động giáo dục và đào tạo	335.327.673.926	339.442.016.443
Doanh thu cho thuê	8.527.895.028	3.897.706.630
Doanh thu tư vấn, thiết kế	3.829.874.475	2.719.127.728
Doanh thu bán hàng	2.355.633.592	1.857.358.613
Doanh thu khác	4.518.023.942	851.203.545
	<u>354.559.100.963</u>	<u>348.767.412.959</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(3.788.387.314)	(2.322.512.933)
	<u>(3.788.387.314)</u>	<u>(2.322.512.933)</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần từ hoạt động giáo dục và đào tạo	316.550.520.509	337.119.503.510
Doanh thu thuần cho thuê	8.527.895.028	3.897.706.630
Doanh thu thuần tư vấn, thiết kế	3.829.874.475	2.719.127.728
Doanh thu thuần bán hàng	16.949.542.515	1.857.358.613
Doanh thu thuần khác	4.912.881.122	851.203.545
	<u>350.770.713.649</u>	<u>346.444.900.026</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	133.035.901.136	137.892.693.469
Chi phí thực phẩm	28.119.980.664	23.173.141.513
Khấu hao và phân bổ	16.725.007.771	17.593.065.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.365.181.494	33.529.942.899
Giá vốn khác	9.396.013.998	11.544.917.301
	<u>218.642.085.063</u>	<u>223.733.760.524</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	24.936.436.321	19.207.581.857
Khác	1.075.791.027	40.195.533
	<u>26.012.227.348</u>	<u>19.247.777.390</u>

29a CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	2017 VND
Khác	488.568.459	-
	<u>488.568.459</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

29b CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	40.211.922.078	54.397.712.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.959.334.198	11.742.605.544
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.863.846.458	10.960.188.510
Khác	8.944.488.841	10.024.681.742
	<u>73.979.591.575</u>	<u>87.125.188.383</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục và đào tạo và 20% (6 tháng cuối năm 2015: 22%) thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Chính sách miễn giảm thuế

Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Mầm Non Tư Thục Thái Bình Dương

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương (trước đây là "Trường Mầm Non Quốc Tế Bambi")

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường THCS – THPT Tân Phú

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Cao đẳng Công nghệ & Quản trị Sonadezi

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm, kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 5 năm, kể từ năm 2013 cho hoạt động giáo dục.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2013	Đã quyết toán	429.187.832
2014	Đã quyết toán	546.087.765
2014	Chưa quyết toán	212.204.463
2015	Đã quyết toán	198.486.022
2015	Chưa quyết toán	3.466.002.405
2016	Đã quyết toán	1.910.273.039
2016	Chưa quyết toán	11.260.887.629
2017	Chưa quyết toán	34.739.356.504

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này là không chắc chắn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

31 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	28.119.980.664	24.317.446.875
Chi phí nhân viên	173.247.823.214	156.525.489.794
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.588.854.229	28.553.253.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.324.515.692	72.273.707.053
Chi phí khác	18.829.071.298	29.189.051.333
	<u>293.110.245.097</u>	<u>310.858.948.907</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.180.167.181	1.225.542.447
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	1.374.161.105
Công ty thành viên cùng Tập đoàn Công ty TNHH MTV Kỹ thuật-Xây dựng Toàn Thịnh Phát	382.004.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	117.693.719	886.707.491
	<u>1.679.864.900</u>	<u>3.486.411.343</u>
ii) Chi phí lãi vay		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	6.708.333	1.303.414.554
Cổ đồng Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	(20.941.666)	20.941.666
	<u>(20.941.666)</u>	<u>20.941.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc	
	ngày 31 tháng 03 năm 2018	30.06.2017
	VND	VND
iii) Vay ngắn hạn		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	(12.500.000.000)	60.500.000.000
Cổ đồng		
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	(1.900.000.000)	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-
	<u>(14.400.000.000)</u>	<u>70.500.000.000</u>
iv) Cho vay ngắn hạn		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	85.500.000.000	15.500.000.000
Cổ đồng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-
Công ty thành viên cùng tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	-	-
	<u>85.500.000.000</u>	<u>15.500.000.000</u>
v) Lãi từ cho vay		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.984.232.625	19.125.000
Công ty thành viên cùng tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	746.497.678	1.298.465.112

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	121.110.500	121.110.500
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	127.505.915	280.332.815
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	768.191.781	278.720.000
	-	-
	<u>895.697.696</u>	<u>559.052.815</u>
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	94.000.000.000	8.500.000.000
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	9.383.171.144	9.383.171.144
	<u>103.383.171.144</u>	<u>17.883.171.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	6.297.773.924	2.597.222
Công ty thành viên cùng tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	-	4.004.756.780
	<u>6.297.773.924</u>	<u>4.007.354.002</u>
v) Kỳ quỹ dài hạn		
Cổ đông		
Công ty Cổ Phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	224.800.000
	<u>-</u>	<u>224.800.000</u>
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.446.869.700	142.010.500
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.979.677.298	1.983.859.568
Công ty thành viên cùng tập đoàn		
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	-	21.525.106.304
Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	-	312.496.373
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	84.701.190	9.990.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-
	<u>3.511.248.188</u>	<u>23.973.462.245</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 19)		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.250.000.000	5.505.875.000
Cổ đồng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.500.916.129	1.495.071.130
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	-	2.669.713.333
Công ty thành viên cùng tập đoàn		
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	-	177.882.761
	<u>6.750.916.129</u>	<u>9.848.542.224</u>

viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))

Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	12.500.000.000
Cổ đồng		
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	-	1.900.000.000
	<u>-</u>	<u>14.400.000.000</u>

33 CÁC CAM KẾT

(a) Thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê đất và thuê văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Dưới 1 năm	4.683.619.833	4.683.619.833
Từ 1 đến 5 năm	13.307.650.000	13.307.650.000
Trên 5 năm	6.348.312.500	6.348.312.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>24.339.582.333</u>	<u>24.339.582.333</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng	14.205.324.595	14.205.324.595
Nâng cấp, sửa chữa trường và khuôn viên của trường	6.294.588.800	6.294.588.800

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 28 tháng 4 năm 2018.



Phạm Thị Huyền Trang
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc